

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/ DS-ST

Ngày 19 - 8 - 2020

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Bằng.

*-Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Trần Thanh Khen.

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ:* Ông Phan Thanh Hào  
- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/ TLST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Địa chỉ: Số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh L ( Theo văn bản ủy quyền số 3978/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Ông Cao Hồng S ủy quyền lại cho anh Lương Ngọc N – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ làm đại diện.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng A, sinh năm 1979 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện H, tỉnh L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*-Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 03 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn có anh Lương Ngọc N làm đại diện trình bày:*

Ngày 16/01/2015 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có ký với anh Lê Hoàng A hợp đồng sử dụng thẻ ( Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh A, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, số thẻ là 356480-3379, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, tiền lãi được tính trên tổng số dư nợ còn lại, thời gian thanh toán là ngày 05 hàng tháng, thời hạn sử dụng thẻ 12 tháng.

Quá trình giao dịch thẻ hiện chi tiết trên bản sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng anh A không có thiện chí trả nợ. Do anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 05/01/2017 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/8/2020 ông A còn nợ 11.249.420 đồng tiền gốc và tiền lãi quá hạn là 19.027.720 đồng. Tổng dư nợ gốc và lãi là 30.277.140 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu anh A phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 30.277.140 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 20/8/2020 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ.

*-Bị đơn anh Lê Hoàng A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.*

*-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:*

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn đã được triệu tập nhưng không thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Buộc anh Lê Hoàng A trả cho Ngân hàng số tiền số tiền 30.227.140 đồng bao gồm tiền nợ gốc là 11.249.420 đồng và lãi quá hạn 19.027.720 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm anh A còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Lê Hoàng A phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/01/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với anh Lê Hoàng A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo đó vào ngày 16/01/2015 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có cấp cho anh Lê Hoàng A 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn, thời hạn sử dụng thẻ là 12 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 19/8/2020 anh A còn nợ số tiền gốc 11.249.420 đồng.

Do đó việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu anh An trả số tiền gốc còn nợ 11.249.420 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu anh A trả số tiền lãi là 19.027.720 đồng.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền thỏa thuận với nhau về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”

Do anh A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 05/01/2017 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chuyển số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/8/2020, số tiền lãi quá hạn là 19.027.720 đồng. Do đó việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu anh A trả số tiền lãi là 19.027.720 đồng là có căn cứ.

[4]. Từ những nhận định trên buộc anh A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền gốc và lãi là 30.277.140 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 16/01/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh A phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí được tính như sau: ( 30.277.140 đồng x 5% = 1.513.857 đồng)

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc anh Lê Hoàng An có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền gốc là 11.249.420 đồng và tiền lãi là 19.027.720 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 30.277.140 đồng ( *Ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi đồng*).

2. Kể từ ngày 20/8/2020 anh Lê Hoàng A còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 16/01/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Hoàng A nộp 1.513.857 đồng ( *Một triệu, năm trăm mười ba ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 705.000 đồng ( *Bảy trăm lẻ năm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0005689 ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

4. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Bằng**